

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24
Phụ lục 01: Các khoản đầu tư tài chính	25
Phụ lục 02: Tài sản cố định hữu hình	26
Phụ lục 03: Tài sản cố định vô hình	27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần phân phối Top One trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Vốn Điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc điều hành Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Khả	Chủ tịch HĐQT
Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thế Trịnh	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/07/2021
Ông Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/07/2021

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Vũ Văn Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Nhị Hương	Thành viên
Ông Phạm Cao Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần phân phối Top One đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục; trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

TM. Ban điều hành
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Người đại diện trước pháp luật





Số : 51 /BCKT/TC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
của Công ty Cổ phần phân phối Top One

Kính gửi:

**Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần phân phối Top One**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần phân phối Top One được lập ngày 18 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại thời điểm 31/12/2021 đơn vị không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư đối với 1.152.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang. Do không có căn cứ xác định giá hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang tại thời điểm lập báo cáo tài chính vì vậy chúng tôi không thể ước tính giá trị khoản dự phòng này.

Công ty sử dụng 48,47% vốn điều lệ của mình để đầu tư vào Công ty cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang, do kỳ vọng vào dự án Trồng rừng kinh tế, kết hợp chăn nuôi động vật dưới tán rừng tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang của Công ty này. Dự án đã được UBND tỉnh Hà Giang cấp Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 06/06/2017 về việc chấp thuận chủ trương chuyển nhượng và điều chỉnh dự án. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Lâm Nông sản Thực phẩm Hà Giang cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1206/2020/TOP/NQ-HĐQT ngày 12/06/2020 Công ty Cổ phần Phân phối Top One đã thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 số tiền

17.280.000.000 đồng và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 số tiền 17.280.000.000 đồng. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo, chúng tôi chưa được tiếp cận các hồ sơ liên quan đến dự án như: Kế hoạch tài chính để triển khai dự án; Thiết kế bản vẽ thi công, Tổng dự toán; Thuyết minh dự án; Báo cáo đánh giá tác động môi trường; Các hồ sơ dự án khác... đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định phê duyệt. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về đánh giá đối với giá trị của khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2 cũng như ảnh hưởng của chúng đến các mục khác liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

Tại thời điểm phát hành báo cáo, đơn vị chưa cung cấp cho chúng tôi Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang, Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 1 và Công ty Cổ phần Chăn nuôi Hà Giang 2. Do vậy chúng tôi không có căn cứ xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về Báo cáo tài chính đính kèm.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Phương Anh

Nguyễn Hà Phương

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán

Số: 0739 -2018 -133 -1

Số: 4033 -2018 -133 -1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.331.666.415	10.567.979.724
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.269.280.075	2.108.886.661
111	1. Tiền		4.269.280.075	2.108.886.661
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		44.000.000	8.427.090.487
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	-	937.090.487
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	44.000.000	40.000.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.a	-	7.450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
141	1. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		18.386.340	32.002.576
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10.a	526.500	12.030.475
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	2.112.261
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	17.859.840	17.859.840
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		159.369.741.975	159.721.818.794
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		1.926.572.142	2.179.592.939
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	562.500.000	753.991.157
222	- Nguyên giá		1.500.000.000	1.539.545.455
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(937.500.000)	(785.554.298)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.364.072.142	1.425.601.782
228	- Nguyên giá		1.661.300.000	1.661.300.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(297.227.858)	(235.698.218)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	157.439.624.000	157.439.624.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		157.439.624.000	157.439.624.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.545.833	102.601.855
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10.b	3.545.833	102.601.855
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163.701.408.390	170.289.798.518

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	NỢ PHẢI TRẢ		410.685.512	6.218.815.000
310	I. Nợ ngắn hạn		410.685.512	6.218.815.000
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	-
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	330.685.512	13.190.000
314	4. Phải trả người lao động		-	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	80.000.000	-
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	13	-	6.205.625.000
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-	-
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	-
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn		-	-
336	3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		163.290.722.878	164.070.983.518
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	163.290.722.878	164.070.983.518
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		253.500.000.000	253.500.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		253.500.000.000	253.500.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(90.209.277.122)	(89.429.016.482)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		(1.472.126.446)	(1.472.126.446)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(88.737.150.676)	(87.956.890.036)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163.701.408.390	170.289.798.518

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

Đỗ Thị Thanh Xuân

Đỗ Thị Thanh Xuân

Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2021

		Đơn vị tính: VND		
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	6.467.798.546	5.182.612.838
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)		6.467.798.546	5.182.612.838
11	4. Giá vốn hàng bán	16	6.118.097.292	7.027.427.949
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		349.701.254	(1.844.815.111)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	320.582.601	332.569.620
22	7. Chi phí tài chính	18	-	84.224.433.000
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng	19	486.346.336	577.820.000
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	992.789.867	1.562.352.615
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		(808.852.348)	(87.876.851.106)
31	11. Thu nhập khác	21	29.144.994	1.712
32	12. Chi phí khác	22	553.286	80.040.642
40	13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		28.591.708	(80.038.930)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		(780.260.640)	(87.956.890.036)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		(780.260.640)	(87.956.890.036)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(31)	(3.470)

Người lập biểu


Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Hữu Khá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Phương pháp gián tiếp****Năm 2021**

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	(780.260.640)	(87.956.890.036)
	2. Điều chỉnh cho các khoản	(67.561.804)	84.154.017.840
02	- Khấu hao tài sản cố định	253.020.797	262.211.460
05	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(320.582.601)	83.891.806.380
06	- Chi phí lãi vay	-	-
08	3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	(847.822.444)	(3.802.872.196)
09	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	935.202.748	8.039.566.280
10	- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	-	6.221.942.149
11	- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(5.808.129.488)	(3.271.304.763)
12	- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	110.559.997	37.324.400
14	- Tiền lãi vay đã trả	-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(5.610.189.187)	7.224.655.870
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
23	3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị	(18.000.000.000)	(7.450.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	25.450.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(34.560.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	36.096.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	320.582.601	332.569.620
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	7.770.582.601	(5.581.430.380)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	2.160.393.414	1.643.225.490
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	2.108.886.661	465.661.171
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4.269.280.075	2.108.886.661

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Đỗ Thị Thanh Xuân



Đỗ Thị Thanh Xuân



Nguyễn Hữu Khá

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần phân phối Top One được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106121967 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 03 năm 2013, thay đổi lần thứ 10 ngày 01 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là: 253.500.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi ba tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.), tương đương 25.350.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Số cán bộ nhân viên: 13 cán bộ nhân viên

Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là: Bán buôn tổng hợp.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được xác định theo giá gốc.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc nếu là đầu tư bằng tiền hoặc giá đánh giá lại nếu là đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty mẹ khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận. Việc trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn được thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019, hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 45 của Bộ tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

- Quyền sử dụng đất

09 – 50 năm

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp***a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt tại quỹ	4.268.608.789	2.103.946.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	671.286	4.940.148
- Tiền gửi VND	671.286	4.940.148
Cộng	4.269.280.075	2.108.886.661

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiết tại phụ lục số 01

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP Đông Dược Ninh Bình		392.201.487
Công Ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Và Dịch Vụ Tam Hùng		201.601.000
Công Ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Âm Thực Lâm Hương		202.783.000
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Thư Lâm		140.505.000
Cộng	-	937.090.487

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Kiểm toán TTP	44.000.000	40.000.000
Cộng	44.000.000	40.000.000

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn				
Ông Nguyễn Hữu Khá		-	7.450.000.000	-
Cộng	-	-	7.450.000.000	-

b. Phải thu về cho vay bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ông Nguyễn Hữu Khá - Chủ tịch HĐQT		-	7.450.000.000	-
Cộng	-	-	7.450.000.000	-

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiết phụ lục số 02

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chi tiết phụ lục số 03

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Chi phí cải tạo văn phòng		12.030.475
- Chi phí ngắn hạn khác chờ phân bổ	526.500	
Cộng	526.500	12.030.475
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ		102.601.855
- Chi phí dài hạn khác chờ phân bổ	3.545.833	
Cộng	3.545.833	102.601.855

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế Giá trị gia tăng		-	655.877.854	645.543.592		10.334.262
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.859.840	-	-	-	17.859.840	-
Thuế Thu nhập cá nhân		13.190.000	336.911.250	29.750.000		320.351.250
Các loại thuế khác		-	3.000.000	3.000.000		-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			337.731	337.731		-
Cộng	17.859.840	13.190.000	996.126.835	678.631.323	17.859.840	330.685.512

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Khác	80.000.000	-
b. Dài hạn		
Cộng	80.000.000	-

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả khác ngắn hạn		
Bảo hiểm xã hội	-	6.375.000
Bảo hiểm y tế	-	1.125.000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	500.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	6.197.625.000
Cộng	-	6.205.625.000

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	253.500.000.000		(1.472.126.446)	252.027.873.554
Tăng vốn trong năm trước				-
Lãi/ (lỗ) trong năm trước			(87.956.890.036)	(87.956.890.036)
Phân phối lợi nhuận				-
Số dư cuối năm trước	253.500.000.000	-	(89.429.016.482)	164.070.983.518
Số dư đầu năm nay	253.500.000.000	-	(89.429.016.482)	164.070.983.518
Lãi/ (lỗ) trong năm nay			(780.260.640)	(780.260.640)
Phân phối lợi nhuận				-
Số dư cuối năm nay	253.500.000.000	-	(90.209.277.122)	163.290.722.878

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm VND	Tỷ lệ %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ %
- Các cổ đông khác	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%
	253.500.000.000	100%	253.500.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	253.500.000.000	253.500.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	253.500.000.000	253.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

d. Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.350.000	25.350.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.350.000	25.350.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

15. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hàng hóa	6.467.798.546	5.182.612.838
Cộng	6.467.798.546	5.182.612.838

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	6.118.097.292	7.027.427.949
Cộng	6.118.097.292	7.027.427.949

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	320.582.601	332.569.620
Cộng	320.582.601	332.569.620

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Bán cổ phần		84.224.376.000
- Khác		57.000
Cộng	-	84.224.433.000

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	286.336	750.000
- Chi phí nhân công	486.060.000	577.070.000
Cộng	486.346.336	577.820.000

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	93.781.019	252.962.219
- Chi phí nhân công	458.526.000	595.399.000
- Chi phí khấu hao	253.020.797	262.211.460
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	7.224.364
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.461.501	426.840.154
- Chi phí khác bằng tiền	7.000.550	17.715.418
Cộng	992.789.867	1.562.352.615

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
- Thanh lý tài sản cố định, CCDC	29.144.994	
- Thu nhập khác		1.712
Cộng	29.144.994	1.712

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
-Lãi chậm nộp BHXH, BHYT, BHTN, chậm nộp thuế	553.286	80.040.642
Cộng	553.286	80.040.642

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(780.260.640)	(87.956.890.036)
Các khoản điều chỉnh tăng	553.286	80.040.642
- Chi phí không hợp lệ	553.286	80.040.642
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(779.707.354)	(87.876.849.394)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(780.260.640)	(87.956.890.036)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(780.260.640)	(87.956.890.036)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	25.350.000	25.350.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(31)	(3.470)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	94.067.355	7.281.140.168
- Chi phí nhân công	944.586.000	1.172.469.000
- Chi phí khấu hao	253.020.797	262.211.460
- Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	7.224.364
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.461.501	426.840.154
- Chi phí khác bằng tiền	7.000.550	17.715.418
Cộng	1.479.136.203	9.167.600.564

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.269.280.075		2.108.886.661	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	-	-	937.090.487	-
Các khoản cho vay	-		7.450.000.000	
Cộng	4.269.280.075	-	10.495.977.148	-

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả người bán, phải trả khác	-	6.205.625.000
Cộng	-	6.205.625.000

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.269.280.075			4.269.280.075
Phải thu khách hàng, phải thu khác	-	-		-
Các khoản cho vay	-	-		-
Cộng	4.269.280.075	-	-	4.269.280.075
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.108.886.661			2.108.886.661
Phải thu khách hàng, phải thu khác	937.090.487	-		937.090.487
Các khoản cho vay	7.450.000.000	-		7.450.000.000
Cộng	10.495.977.148	-	-	10.495.977.148

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	-	-	-	-
Chi phí phải trả	80.000.000	-	-	80.000.000
Cộng	80.000.000	-	-	80.000.000
Số đầu năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả	6.205.625.000	-	-	6.205.625.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Cộng	6.205.625.000	-	-	6.205.625.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này

28. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng
Đơn vị tính: VND				
Doanh thu thuần ra bên ngoài	6.467.798.546	-	-	6.467.798.546
Chi phí bộ phận	6.118.097.292	-	-	6.118.097.292
Kết quả kinh doanh bộ	349.701.254	-	-	349.701.254
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.479.136.203
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(1.129.434.949)
Doanh thu hoạt động tài chính				320.582.601
Chi phí tài chính				-
Thu nhập khác				29.144.994
Chi phí khác				553.286
Thuế TNDN hiện hành				-
Lợi nhuận sau thuế				(780.260.640)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

29. NGHIỆP VỤ VÀ CÁC SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN**a. Thông tin các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT

b. Giao dịch với bên liên quan**- Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc	292.680.000	373.032.000

Chi tiết thu nhập trong năm:

Đối tượng	Chức vụ	Số tiền
		VND
- Ông Nguyễn Hữu Khá	Chủ tịch HĐQT	117.960.000
- Ông Đỗ Xuân Long	Thành viên HĐQT	75.960.000
- Ông Nguyễn Thế Trịnh	Thành viên HĐQT	49.380.000
- Ông Đỗ Thanh Tùng	Giám đốc	49.380.000

- Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh với các bên liên quan như sau:

	Số tiền
	VND
Thu gốc cho vay:	
Ông Nguyễn Hữu Khá	7.450.000.000
Thu lãi cho vay:	
Ông Nguyễn Hữu Khá	172.651.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Tổng Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập biểu


Đỗ Thị Thanh Xuân

Kế toán trưởng


Đỗ Thị Thanh Xuân

Hà Giang, ngày 18 tháng 01 năm 2022

**Nguyễn Hữu Khá**

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 01:

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	157.439.624.000	-	157.439.624.000	-
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	122.879.624.000	(*)	122.879.624.000	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	17.280.000.000	(*)	17.280.000.000	-
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	17.280.000.000	(*)	17.280.000.000	-
(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.				
Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của công ty tại ngày 31/12/2021 như sau:				
Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty cổ phần Lâm nông sản Thực phẩm Hà Giang	Tổ 1 - Thị trấn Việt Lâm - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang	20,95%	20,95%	Bán buôn tổng hợp (Trừ những ngành nghề nhà nước cấm), Chế biến thực phẩm.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 1	Thôn Nặm Quăng, Xã Quăng Ngần, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang, Việt Nam	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.
Công ty cổ phần Chăn Nuôi Hà Giang 2	Thôn Nặm Quăng - Xã Quăng Ngần - Huyện Vị Xuyên - Hà Giang.	48,00%	48,00%	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm, chăn nuôi gia súc.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 02

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm			1.500.000.000	39.545.455	1.539.545.455
- Mua trong năm					-
- Thanh lý, nhượng bán				(39.545.455)	(39.545.455)
- Giảm khác					-
Số cuối năm	-	-	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm			750.000.000	35.554.298	785.554.298
- Khấu hao trong năm			187.500.000	3.991.157	191.491.157
- Thanh lý nhượng bán				(39.545.455)	(39.545.455)
- Giảm khác					-
Số cuối năm	-	-	937.500.000	-	937.500.000
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	-	-	750.000.000	3.991.157	753.991.157
Tại ngày cuối năm	-	-	562.500.000	-	562.500.000

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI TOP ONE

Tổ 1, Thị Trấn Việt Lâm, Huyện Vị Xuyên, Tỉnh Hà Giang

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Phụ lục số 03:

Đơn vị tính: VND

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tài sản vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.661.300.000			1.661.300.000
- Mua trong năm				-
- Giảm khác				-
Số cuối năm	1.661.300.000	-	-	1.661.300.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	235.698.218			235.698.218
- Khấu hao trong năm	61.529.640			61.529.640
- Giảm khác				-
Số cuối năm	297.227.858	-	-	297.227.858
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1.425.601.782	-	-	1.425.601.782
Tại ngày cuối năm	1.364.072.142	-	-	1.364.072.142

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 0 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND